



nào

闹

noisy, bustling, lively

Common Words

xuān nào

喧闹

Noisy / bustling

chảo nào

吵闹

noisy; quarrel

nào zhōng

闹钟

alarm clock

Trace each stroke, then write the character on your own.

闹闹闹闹闹闹闹闹闹闹